SỞ GD&ĐT ……..
TRƯỜNG THPT ……

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I
NĂM HỌC: 2022-2023
MÔN: Sinh học **LỚP 12**
Thời gian làm bà: 45 phút, không kể thời gian giao đề

I. Thiết lập ma trận đề kiểm tra

Tên chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Gen, mã di truyền và quá trình nhân đôi ADN	- Cấu trúc chung của gen cấu trúc. - Đặc tính của mã di truyền	- Những diễn biến chính của cơ chế sao chép ADN	Xác định được số bộ ba khi biết số nuclêôtit	
13.33% của tổng = 01.33 điểm (4 câu)	**50% = 0.66 điểm (2 câu)**	**25% = 0.33điểm (1 câu)**	**25% = 0.33điểm (1 câu)**	
Phiên mã và Dịch mã		- Cơ chế dịch mã		Xác định số aa của phân tử protein do mARN mang thông tin mã hóa
6,66% của tổng = 0.66 điểm (2 câu)		**50% = 0,33 điểm (1 câu)**		**50% = 0.33điểm (1 câu)**
Điều hòa hoạt động gen	- Khái niệm điều hòa hoạt động gen	- Cơ chế điều hòa hoạt động gen		
6,66% của tổng = 0.66 điểm (2 câu)	**50% = 0,33 điểm (1 câu)**	**50% = 0,33 điểm (1 câu)**		
Đột biến gen	- Khái niệm đột biến gen		- Xác định dạng ĐBG và thứ tự nucleotit của bộ ba bị đột biến	
6.67% của tổng = 0.66 điểm (2 câu)	**50% = 0,33 điểm (1 câu)**		**50% = 0,33 điểm (1 câu)**	
NST và Đột biến cấu trúc NST	- Nhận biết được kết quả của đột biến lặp đoạn	- Hậu quả của đột biến lặp đoạn - Đơn vị cấu trúc của NST- mức nhỏ nhất.		
10 % của tổng = 1 điểm (3 câu)	**33,33%= 6,66điểm (1 câu)**	**66.67%= 6,66điểm (2 câu)**		
Đột biến số lượng NST		- Từ số lượng NST trên 1 cặp tương đồng suy dạng đột biến số lượng NST. - Hiểu hậu quả của		

		đột biến cấu trúc NST		
6.66% của tổng = 0,66 điểm (2 câu)		**100% = 0,66 điểm (2 câu)**		
Quy luật Menden: quy luật phân li	- Nhận biết được tỉ lệ kiểu hình theo quy luật phân ly của Menđen	- Cơ chế tế bào học của quy luật quy luật phân li của Menđel. - Hiểu phương pháp kiểm tra giả thuyết của Menđen		
10% của tổng = 1 điểm (3 câu)	**25%= 0.33điểm (1 câu)**	**75%= 0.66điểm (2 câu)**		
Quy luật Menden: quy luật phân li độc lập	- Biết điều kiện nghiệm đúng của quy luật phân li độc lập.			- Dựa vào phép lai của bố mẹ có thể dự đoán được tỉ lệ kiểu hình đời con.
6,66% của tổng = 0.66 điểm (2 câu)	**50%= 0,33 điểm (1 câu)**			**50%= 0,33 điểm (1 câu)**
Tương tác gen và tác động đa hiệu của gen	- Nhận biết được khái niệm tương tác gen	- Hiểu được tác động của gen đa hiệu		
6,66% của tổng = 0.66 điểm (2 câu)	**50%= 0.33 điểm (1 câu)**	**50%= 0.33 điểm (1 câu)**		
Liên kết gen và hoán vị gen	- Nhận biết được hiện tượng liên kết gen		- Từ tỉ lệ kiểu gen của bố mẹ suy ra tỉ lệ kiểu hình ở đời con	
6,66% của tổng = 0.66 điểm (2 câu)	**50%= 0.33 điểm (1 câu)**		**50%= 0.33 điểm (1 câu)**	
Di truyền liên kết với giới tính và di truyền ngoài nhân	- Biết được hiện tượng di truyền ngoài nhân khi phân tích kết quả lai thuận nghịch			- Xác dịnh tỉ lệ kiểu hình ở đời con khi biết kiểu hình của bố mẹ và gen di truyền liên kết với giới tính
6,66% của tổng = 0.66 điểm (2 câu)	**50%= 0.33 điểm (1 câu)**			**50%= 0.33 điểm (1 câu)**
Ảnh hưởng của môi trường lên sự biểu hiện của gen	-Biết được tác động của nhiệt độ lên sự biểu hiện màu lông của thỏ Hymalaia. - Nhận biết ví dụ về thường biến.	- Hiểu được ý nghĩa sự mềm dẻo kiểu hình đối với bản thân sinh vật. - Vận dụng hiểu biết về mức phản ứng trong sản xuất		

13.33% của tổng = 1.33 điểm (4 câu)	**50% = 0.66 điểm (2 câu)**	**50% = 0,66 điểm (2 câu)**		
Cộng = 100% = 10 điểm (30 câu)	**40%= 4 điểm (12 câu)**	**40%= 4 điểm (12 câu)**	**10% = 1 điểm (3 câu)**	**10%= 1 điểm (3 câu)**

ĐỀ BÀI

Khoanh tròn trước đáp án đúng nhất trong các câu hỏi dưới đây

Câu 1. Mỗi gen mã hóa protein điển hình gồm các vùng:

A. Khởi đầu, mã hóa, kết thúc. **B**. Điều hóa, mã hóa, kết thúc.

C. Điều hóa, vận hành, kết thúc. **D**. Điều hóa, vận hành, mã hóa.

Câu 2: Trong sản xuất, người ta vận dụng những hiểu biết về mức phản ứng để:

A. tạo ra những biến dị di truyền có năng xuất cao.

B. tạo ra những giống tốt có kiểu gen thay đổi vượt trội so với giống cũ.

C. hạn chế các ảnh hưởng xấu đến năng xuất.

D. cải tạo, thay giống cũ bằng giống mới có tiềm năng năng xuất cao hơn.

Câu 3. Đặc tính nào dưới đây của mã di truyền phản ánh tính thống nhất của sinh giới :

A.Tính liên tục. **B**.Tính đặc thù. **C**.Tính phổ biến. **D**.Tính thoái hóa.

Câu 4. Trong quá trình nhân đôi, enzim ADN polimeraza di chuyển trên mỗi mạch khuôn của ADN.

A. Luôn theo chiều từ 3' đến 5'. **B.** Di chuyển một cách ngẫu nhiên.

C.Theo chiều từ 5' đến 3' trên mạch này và 3' đến 5' trên mạch kia. **D**. Luôn theo chiều từ 5' đến 3'.

Câu 5: Điều kiện cơ bản đảm bảo cho sự di truyền độc lập các cặp tính trạng là :

A. các gen không có hoà lẫn vào nhau **B.** mỗi gen phải nằm trên mỗi NST khác nhau

C. số lượng cá thể nghiên cứu phải lớn **D**. gen trội phải lấn át hoàn toàn gen lặn

Câu 6: Trường hợp hai cặp gen không alen nằm trên hai cặp nhiễm sắc thể tương đồng cùng tác động đến sự hình thành một tính trạng được gọi là hiện tượng

A. tương tác bổ trợ. B. tương tác bổ sung. C. tương tác cộng gộp. D. tương tác gen

Câu 7: Giả sử một gen được cấu tạo từ 3 loại nuclêôtit: A, T, G thì trên mạch gốc của gen này có thể có tối đa bao nhiêu loại mã bộ ba?

A. 6 loại mã bộ ba. **B**. 3 loại mã bộ ba. **C**. 27 loại mã bô ba. **D**. 9 loại mã bộ ba.

Câu 8: Trường hợp nào sau đây *không* phải là thường biến ?

A. Màu sắc của tắc kè hoa thay đổi theo nền môi trường

B. Số lượng hồng cầu trong máu người thay đổi khi ở các độ cao khác nhau

C. Hình dạng lá rau mác thay đổi ở các môi trường khác nhau

D. Sâu ăn lá cây có màu xanh

Câu 9: Giống thỏ Himalaya có bộ lông trắng muốt trên toàn thân, ngoại trừ các đầu mút của cơ thể như tai, bàn chân, đuôi và mõm có lông màu đen. Giải thích nào sau đây *không* đúng?

A. Do các tế bào ở đầu mút cơ thể có nhiệt độ thấp hơn nhiệt độ các tế bào ở phần thân

B. Nhiệt độ cao làm biến tính enzim điều hoà tổng hợp mêlanin, nên các tế bào ở phần thân không có khả năng tổng hợp mêlanin làm lông trắng.

C. Nhiệt độ thấp enzim điều hoà tổng hợp mêlanin hoạt động nên các tế bào vùng đầu mút tổng hợp được mêlanin làm lông đen.

D. Do các tế bào ở đầu mút cơ thể có nhiệt độ cao hơn nhiệt độ các tế bào ở phần thân.

Câu 10. Quá trình tổng hợp chuỗi pôlipeptit sẽ được dừng lại khi

A. tế bào hết axit amin. **B.** ribôxôm trượt hết phân tử mARN.

C. ribôxôm gặp bộ ba đa nghĩa. **D.** ribôxôm gặp bộ ba kết thúc.

Câu 11. Một phân tử mARN có chiều dài 5100A° , mARN này mang thông tin mã hóa cho một phân tử protein có :

A. 499 axit amin **B.** 600 axit amin. **C.** 950 axit amin. **D.** 498 axit amin

Câu 12: Ở người bệnh máu khó đông do gen lặn h nằm trên NST X quy định, gen H quy định máu đông bình thường. Một người nam bình thường lấy một người nữ bình thường mang gen bệnh, khả năng họ sinh ra được con gái khỏe mạnh trong mỗi lần sinh là bao nhiêu?

A. 37,5% B. 75% C. 25% D. 50%

Câu 13: Bằng chứng của sự liên kết gen là

A. hai gen không alen cùng tồn tại trong một giao tử.

B. hai gen trong đó mỗi gen liên quan đến một kiểu hình đặc trưng.

C. hai gen không alen trên cùng một NST phân ly cùng nhau trong giảm phân.

D. hai cặp gen không alen cùng ảnh hưởng đến một tính trạng

Câu 14: Một gen khi bị biến đổi mà làm thay đổi một loạt các tính trạng trên cơ thể sinh vật thì gen đó là

A. gen trội. B. gen lặn. C. gen đa alen .D. gen đa hiệu.

Câu 15. Điều hoà hoạt động của gen là gì?

A. Điều hoà lượng sản phẩm của gen tạo ra **B**. Điều hoà phiên mã

C. Điều hoà dịch mã **D**. Điều hoà sau dịch mã

Câu 16. Prôtêin điều hoà liên kết với vùng nào trong Opêron Lac ở E.côli để ngăn cản quá trình phiên mã?

A. Vùng điều hoà B. Vùng khởi động **C**. Vùng vận hành **D**. Vùng mã hoá

Câu 17. Đột biến gen là :

A. Sự biến đổi tạo ra những alen mới. **B.** Sự biến đổi tạo nên những kiểu hình mới.

C. Sự biến đổi một hay một số cặp nucleotit trong gen. **D.** Sự biến đổi một cặp nucleotit trong gen.

Câu 18: Ở đậu Hà Lan, gen A: thân cao, alen a: thân thấp; gen B: hoa đỏ, alen b: hoa trắng nằm trên 2 cặp NST tương đồng. Cho đậu thân cao, hoa đỏ dị hợp về 2 cặp gen tự thụ phấn được F_1. Nếu không có đột biến, tính theo lí thuyết, trong số cây thân cao, hoa trắng F_1 thì số cây thân cao, hoa trắng đồng hợp chiếm tỉ lệ :

A. 1/8. **B**. 3/16. **C**. 1/3. **D**. 2/3.

Câu 19: Chuỗi pôlipeptit do gen đột biến tổng hợp so với chuỗi pôlipeptit do gen bình thường tổng hợp có số axit amin bằng nhau nhưng khác nhau ở axit amin thứ 3. Đột biến điểm trên gen cấu trúc này thuộc dạng

A. thay thế một cặp nuclêôtit ở bộ ba thứ 3. **B.** mất một cặp nuclêôtit ở vị trí thứ 20.

C. thay thế một cặp nuclêôtit ở vị trí thứ 11 . D. thêm một cặp nuclêôtit vào vị trí 15.

Câu 20: Kết quả lai thuận-nghịch khác nhau và con luôn có kiểu hình giống mẹ thì gen q/đ tính trạng đó

A. nằm trên nhiễm sắc thể giới tính Y. B. nằm trên nhiễm sắc thể giới tính X

C. nằm trên nhiễm sắc thể thường. D. nằm ở ngoài nhân.

Câu 21: Dạng đột biến cấu trúc NST chắc chắn dẫn đến làm tăng số lượng gen trên nhiễm sắc thể là :

A. mất đoạn. **B.** đảo đoạn. **C.** lặp đoạn. **D.** chuyển đoạn.

Câu 22: Khi đề xuất giả thuyết mỗi tính trạng do một cặp nhân tố di truyền quy định, các nhân tố di truyền trong tế bào không hoà trộn vào nhau và phân li đồng đều về các giao tử. Menđen đã kiểm tra giả thuyết của mình bằng cách nào?

A. Cho F_1 lai phân tích. **B.** Cho F_2 tự thụ phấn.

C. Cho F_1 giao phấn với nhau. **D.** Cho F_1 tự thụ phấn.

Câu 23: Đơn vị nhỏ nhất trong cấu trúc nhiễm sắc thể gồm đủ 2 thành phần ADN và prôtêin histon là :

A. nuclêôxôm. **B.** polixôm. **C.** nuclêôtit. **D.** sợi cơ bản.

Câu 24: Dạng đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể thường gây mất cân bằng gen nghiêm trọng nhất là:

A. đảo đoạn. **B.** chuyển đoạn. **C.** mất đoạn. **D.** lặp đoạn.

Câu 25: Ở một loài thực vật, gen A: cây cao, gen a: cây thấp; gen B: quả đỏ, gen b: quả trắng. Cho cây có kiểu gen $\frac{Ab}{aB}$ giao phấn với cây có kiểu gen $\frac{ab}{ab}$ thì tỉ lệ kiểu hình thu được ở F_1 là:

A. 1 cây cao, quả đỏ: 1 cây thấp, quả trắng. B. 3 cây cao, quả trắng: 1cây thấp, quả đỏ.

C. 1 cây cao, quả trắng: 1 cây thấp, quả đỏ. D. 9 cây cao, quả trắng: 7 cây thấp, quả đỏ.

Câu 26: Ở người, một số bệnh di truyền do đột biến lệch bội được phát hiện là :

A. ung thư máu, Tơcnơ, Claiphentơ. **B.** Claiphentơ, Đao, Tơcnơ.

C. Claiphentơ, máu khó đông, Đao. **D.** siêu nữ, Tơcnơ, ung thư máu.

Câu 27: Sự mềm dẻo kiểu hình có ý nghĩa gì đối với bản thân sinh vật?

A. Sự mềm dẻo kiểu hình giúp quần thể sinh vật đa dạng về kiểu gen và kiểu hình.

B. Sự mềm dẻo kiểu hình giúp sinh vật có sự mềm dẽo về kiểu gen để thích ứng.

C. Sự mềm dẻo kiểu hình giúp sinh vật thích nghi với những điều kiện môi trường khác nhau.

D. Sự mềm dẻo kiểu hình giúp sinh vật có tuổi thọ được kéo dài khi môi trường thay đổi.

Câu 28: Cơ thể mà tế bào sinh dưỡng đều chứa 4 nhiễm sắc thể trên 1 cặp tương đồng được gọi là :

A. thể ba. B. thể ba kép. C. thể bốn. D. thể tứ bội

Câu 29: Trong các thí nghiệm của Menđen, khi lai bố mẹ thuần chủng khác nhau về một cặp tính trạng tương phản, ông nhận thấy ở thế hệ thứ hai :

A. có sự phân ly theo tỉ lệ 3 trội: 1 lặn. **B.** có sự phân ly theo tỉ lệ 1 trội: 1 lặn.

C. đều có kiểu hình khác bố mẹ. **D.** đều có kiểu hình giống bố mẹ.

Câu 30: Cơ chế chi phối sự di truyền và biểu hiện của một cặp tính trạng tương phản qua các thế hệ theo Menđen là do :

A. sự phân li và tổ hợp của cặp nhân tố di truyền trong giảm phân và thụ tinh.

B. sự tổ hợp của cặp nhiễm sắc thể tương đồng trong thụ tinh.

C. sự phân li và tổ hợp của cặp nhiễm sắc thể tương đồng trong giảm phân và thụ tinh.

D. sự phân li của cặp nhân tố di truyền trong giảm phân.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI

01. B	**06. D**	**11. D**	**16. C**	**21. C**	**26. B**
02. D	**07. C**	**12. C**	**17. C**	**22. A**	**27. C**
03. C	**08. D**	**13. C**	**18. C**	**23. A**	**28. D**
04. A	**09. D**	**14. D**	**19. C**	**24. C**	**29. A**
05. B	**10. D**	**15. A**	**20. D**	**25. C**	**30. A**

TAILIEU.COM